

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (viết tắt là Chương trình hành động số 33-CTr/TW), trên cơ sở đề xuất của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 780-CV/ĐU, ngày 28/8/2026; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về yêu cầu đổi mới mô hình phát triển; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm phát triển nhanh, bền vững.

2. Nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu; kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết, Chương trình hành động thành nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện phải rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, trách nhiệm, nguồn lực, tiến độ và kết quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Xác định **28** chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động này để theo dõi, đánh giá kết quả đổi mới mô hình phát triển đến năm 2030, năm 2035 và năm 2045.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn cụ thể hóa các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực, địa bàn trong chương trình, kế hoạch thực hiện.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này; bảo đảm thống nhất về nhận thức và hành động trong

toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân. Thường xuyên kiểm tra, giám sát; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các vấn đề phát sinh.

Khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn; cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thành chỉ tiêu, thứ tự ưu tiên, tiến độ, nguồn lực và sản phẩm đầu ra; gắn với trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát. Đến năm 2030, hoàn thành tạo lập các nền tảng của mô hình phát triển mới; đến năm 2035, cơ bản hoàn thành chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập; đến năm 2045, vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả mô hình phát triển mới trên các lĩnh vực.

2. Kịp thời cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách về đổi mới mô hình phát triển; chủ động rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định còn chồng chéo, bất cập. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát; phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh những nơi thực hiện chưa nghiêm, chưa hiệu quả.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết, Chương trình hành động gắn với Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch có liên quan. Phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, quyết tâm hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định **07** nhóm với **43** nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Chương trình hành động này. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, theo chức năng, nhiệm vụ, cụ thể hóa Nghị quyết và Chương trình hành động trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách và các chương trình, đề án, dự án của tỉnh; rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới mô hình phát triển (*thực hiện theo chương trình công tác hằng năm và từng giai đoạn*).

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động này, (*hoàn thành trong tháng 9/2026*); tập trung huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp ý cơ chế, chính sách về đổi mới mô hình phát triển (*hoàn thành kế hoạch trong tháng 9/2026 và thực hiện thường xuyên*).

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động. Các đảng ủy trực thuộc tổ chức tuyên truyền, quán triệt và thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Thường xuyên thông tin về kết quả thực hiện, mô hình mới, cách làm hay; chủ động đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc, góp phần củng cố niềm tin và quyết tâm thực hiện Chương trình hành động. *(Thực hiện thường xuyên.)*

5. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời thể chế hóa các chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công gắn với yêu cầu đổi mới mô hình phát triển; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

6. Các đảng ủy trực thuộc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn *(hoàn thành trong tháng 9/2026)*; tập trung khắc phục hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, góp phần đổi mới mô hình phát triển của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động.

2. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên; người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu tổ chức sơ, tổng kết, định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến độ thực hiện.

Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
 - Các ban, UBKT và VPTW Đảng;
 - Các ban Đảng, UBKT, Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
 - Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- } (để b/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Hồng Lĩnh



TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN
(Kèm theo Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 28/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
I	Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị và hoàn thiện hệ thống chính trị			
1	Xếp hạng về phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	Nằm trong nhóm 12 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 11 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước
2	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 12 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước
3	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Đạt trên 88%	Đạt từ 88 - 90%	Đạt tối thiểu 95%
4	Sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	95% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế			
5	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	Phấn đấu đạt trên 11%	8-8,5	7-8
6	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành (đến cuối kỳ) (triệu đồng)	168	258	432
7	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (đến cuối kỳ) (%)	40-50	≥55	≥55
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	7-7,5	7,5-8%	6-7,5%

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
9	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến cuối kỳ (%)	15-20	30	≥ 40
10	Tốc độ tăng trưởng thị trường trung tâm dữ liệu bình quân/năm (%)	12-15	10-12	8-10
11	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) (đến cuối kỳ)	Nằm trong nhóm 23 địa phương dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước	Nằm trong nhóm 17 địa phương dẫn đầu cả nước
12	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm (%)	≥ 10	≥ 10	≥ 10
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	> 40	> 45	> 50
14	Tỷ lệ đô thị hóa (đến cuối kỳ) (%)	38	49,7	57,5
III	Nhóm chỉ tiêu về xã hội			
15	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân (đến cuối kỳ)	11	20	50-55
16	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM) (đến cuối kỳ)(%)	35	40	45

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
17	Tỷ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ) (%)	- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH: 36,2% - Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BH thất nghiệp: 20,8% - Tỷ lệ dân số tham gia BHYT: 100% - Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội: 46,6%	- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH: 43,6% - Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BH thất nghiệp: 22,7% - Tỷ lệ dân số tham gia BHYT: 100% - Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội: 48,9%	- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH: 50,3% - Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BH thất nghiệp: 24,2% - Tỷ lệ dân số tham gia BHYT: 100% - Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội: 50,8%
18	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh, trong đó số năm sống khỏe (đến cuối kỳ)	Tuổi thọ trung bình 75,5 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 68 năm	Tuổi thọ trung bình 76 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 68,5 năm	Tuổi thọ trung bình 78 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 70 năm
IV	Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, con người			
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,76	0,8	>0,8
20	Phát triển thương hiệu quốc gia các ngành công nghiệp văn hóa (đến cuối kỳ)	01 thương hiệu	02 thương hiệu	03 thương hiệu
V	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái			
21	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	9	11	Thực hiện lộ trình giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050
22	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ) (%)	25-30	35-40	65-75

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
23	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	6-10	13-15	20
24	Mức độ vận hành thương mại thị trường các-bon	Vận hành sàn giao dịch các-bon trên địa bàn tỉnh theo lộ trình và hướng dẫn của Trung ương	Tiếp tục vận hành thị trường các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh; áp dụng cơ chế bắt buộc đối với các cơ sở phát thải lớn theo quy định; phối hợp hoàn thiện hạ tầng thị trường các-bon quốc gia	Vận hành toàn diện thị trường các-bon bắt buộc; từng bước kết nối với thị trường các-bon quốc tế theo lộ trình và hướng dẫn của Trung ương
25	Phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	- $\geq 70\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn. - Xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại các khu vực đô thị trung tâm.	- $> 80\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 85-90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn. - Kiểm soát tình trạng ngập úng tại các khu đô thị trung tâm.	- 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 95-100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn - 100% khu đô thị trung tâm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý tình trạng ngập úng.
VI	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh			
26	Hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thông minh	Thực hiện theo chương trình, đề án và lộ trình của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong từng giai đoạn		
27	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại			

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
VII	Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế			
28	Thu hút các dự án do các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đầu tư (đến cuối kỳ)	Thu hút ít nhất 01 tập đoàn/doanh nghiệp công nghệ lớn trong nước hoặc quốc tế đầu tư dự án công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số, trung tâm dữ liệu hoặc nghiên cứu và phát triển (R&D)	Có ít nhất 03 tập đoàn/doanh nghiệp công nghệ lớn trong nước hoặc quốc tế đầu tư dự án công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số hoặc nghiên cứu và phát triển (R&D)	Có ít nhất 05 tập đoàn/doanh nghiệp công nghệ lớn trong nước hoặc quốc tế đầu tư dự án công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số hoặc nghiên cứu và phát triển (R&D)



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW, NGÀY 28/7/2026 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

(Kèm theo Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 28/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	Về thể chế, quản trị và hoàn thiện hệ thống chính trị					
1	Hoàn thiện mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các ban Đảng, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 – 2030 (hoàn thành rà soát, kiện toàn trong quý II/2027)	Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan	Ngân sách nhà nước (NSNN)
2	Sơ kết Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Năm 2027	Tổ chức Hội nghị hoặc Báo cáo chuyên đề	NSNN
3	Cụ thể hóa mô hình phát triển của tỉnh Hà Tĩnh trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa - xã hội, con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quản trị địa phương	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Quý II/2027	Kế hoạch/Chương trình cụ thể hóa mô hình phát triển của tỉnh	NSNN
4	Theo dõi, báo cáo, đánh giá việc thực hiện hệ thống nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoàn thành tích hợp, liên thông hệ thống theo dõi trong giai đoạn 2026 - 2027)	Hệ thống theo dõi; báo cáo định kỳ; sơ kết, tổng kết hoặc báo cáo lồng ghép	NSNN

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
5	Triển khai thực hiện bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Kết quả triển khai	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
6	Đổi mới công tác báo cáo trong toàn hệ thống chính trị (theo hướng tinh gọn, thống nhất, số hóa, liên thông, dựa trên dữ liệu)	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2027)	Hệ thống báo cáo	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
7	Triển khai thể chế pháp luật về phát triển đô thị	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Đề xuất, góp ý và triển khai thực hiện	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
8	Triển khai thực hiện Đề án Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045 (Hoàn thành xây dựng Kế hoạch sau khi Đề án của Trung ương được phê duyệt)	Triển khai theo Đề án của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
9	Triển khai thực hiện các chiến lược của Trung ương về: Phát triển kinh tế không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm,...	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027; xây dựng kế hoạch triển khai sau khi chiến lược của Trung ương được ban hành	Kế hoạch triển khai các chiến lược phù hợp với điều kiện của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
II	Về kinh tế					
10	Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch và kết quả triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
11	Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch và kết quả triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
12	Triển khai Chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch và kết quả triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
13	Rà soát, góp ý và tổ chức thực hiện các quy định về đầu tư ra nước ngoài phù hợp với bối cảnh mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Triển khai theo quy định của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
14	Phối hợp tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; sơ kết Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chiến lược liên quan	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2027 - 2028	Báo cáo tổng kết	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
15	Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN
16	Triển khai Đề án Phát triển thị trường giao dịch hàng hoá phái sinh tại Việt Nam	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh và các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo Đề án của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
17	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển hệ thống logistics	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2035	Triển khai theo Đề án của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
III	Về xã hội					
18	Triển khai thực hiện các bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người...	Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai thực hiện bộ tiêu chí, chỉ số	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
19	Triển khai hệ thống nắm bắt dư luận, nhu cầu xã hội và cảnh báo sớm rủi ro trên nền tảng dữ liệu số, theo thời gian thực	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Triển khai thực hiện Hệ thống theo dõi và cảnh báo sớm	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
20	Triển khai Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045 trên cơ sở tổng kết Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
21	Triển khai thể chế, cơ chế, chính sách đối với lao động phi chính thức	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Triển khai theo cơ chế, chính sách của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
22	Triển khai Đề án về phát triển nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động hiện đại	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo Đề án của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
23	Triển khai bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Bộ chỉ số được triển khai	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
24	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Hoàn thiện việc xây dựng Đề án: Trong năm 2026; - Triển khai Đề án: Giai đoạn 2026-2045	Xây dựng và triển khai Đề án	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
IV	Về văn hóa, con người					
25	Triển khai cơ chế thử nghiệm cho các mô hình mới về văn hóa số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028	Triển khai cơ chế thử nghiệm phù hợp với thực tiễn địa phương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
26	Triển khai thí điểm xây dựng sàn giao dịch sản phẩm văn hóa nghệ thuật trên môi trường số	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028	Triển khai sàn giao dịch (thí điểm)	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
27	Hoàn thiện cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Cơ chế tự chủ được ban hành, áp dụng	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
28	Triển khai thực hiện pháp luật về dinh dưỡng học đường	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Đề xuất, góp ý và triển khai thực hiện	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
29	Triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh quy mô lớn, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa, an ninh y tế cấp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo Kế hoạch của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
V	Về môi trường sinh thái					
30	Triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung Kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
31	Tham gia xây dựng hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo, văn bản tham gia xây dựng và kết quả triển khai theo thẩm quyền	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
VI	Về quốc phòng, an ninh					
32	Triển khai Đề án phát triển các khu kinh tế - quốc phòng gắn với các đảo, vùng biển chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Triển khai theo Đề án của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
33	Tham gia xây dựng danh mục các lĩnh vực, hạ tầng và năng lực chiến lược quốc gia cần ưu tiên bảo vệ, kèm phương án bảo đảm khả năng chuyển trạng thái khi có tình huống quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Triển khai Danh mục lĩnh vực và Phương án	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
34	Tham gia xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy - điều hành số	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản tham gia xây dựng hạ tầng dữ liệu	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
35	Tham gia xây dựng chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027	Văn bản tham gia xây dựng chính sách	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
36	Tham gia xây dựng hệ thống theo dõi và cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch và kết quả triển khai theo cơ chế của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
37	Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Chiến lược được triển khai	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
38	Tham gia xây dựng các cơ chế kiểm tra sức chống chịu quốc gia trước các rủi ro an ninh quốc gia	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028	Văn bản tham gia xây dựng cơ chế	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
39	Tham gia xây dựng các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản tham gia xây dựng và triển khai	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
VII Về đối ngoại và hội nhập quốc tế						
40	Triển khai thực hiện Chiến lược đối ngoại toàn diện ở tầm cao mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo Chiến lược của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
41	Triển khai hiệu quả hợp tác với các địa phương, cơ quan, tổ chức và đối tác quốc tế, các biên bản, thỏa thuận hợp tác đã ký kết; Chủ động thiết lập các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác mới theo hướng chiến lược và thực chất, lựa chọn đối tác có tiềm năng, thế mạnh và tính bổ trợ cao đối với Hà Tĩnh. Gắn kết chặt chẽ đối ngoại chính trị với hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ chế hợp tác gắn với chuyển giao công nghệ	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
42	Triển khai các cơ chế đặc thù thu hút đối tác chiến lược, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo các cơ chế của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
43	Hình thành mạng lưới các đầu mối phụ trách về ngoại giao khoa học, công nghệ, ngoại giao số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Mạng lưới phụ trách đối ngoại về khoa học, công nghệ	NSNN và các nguồn hợp pháp khác